

Bản án số: 241/2025/HC-PT
Ngày 02 tháng 4 năm 2025
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý về đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phan Nam;
Ông Phạm Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vy Thị Tuyết Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 54/2025/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2024/HC-ST ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2712/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị Thanh K, sinh năm 1953, địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Mai N, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ A phường N, quận L, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện V. (Văn bản ủy quyền ngày 09/5/2024; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quốc C - Phó Chủ tịch UBND

huyện V (Văn bản ủy quyền ngày 09/5/2024; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Hoa C1 - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã X. (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Công ty Cổ phần T3; địa chỉ: Khu đô thị T - xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công H - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần T3. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Các thành viên hộ gia đình người khởi kiện, gồm: Ông Trịnh Trung T, sinh năm 1949; chị Trịnh Thị T1, sinh năm 1978; anh Trịnh Công S, sinh năm 1983, cùng địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Ông Trịnh Viết T2, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn I, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên. (Đều vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Thanh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Trần Thị Thanh K trình bày:

Theo Biên bản giao đất cho các hộ gia đình ngày 25/02/1998 thể hiện các thành viên hộ gia đình bà được Nhà nước giao đất nông nghiệp để phục vụ sản xuất; gia đình bà đã sử dụng đất ổn định, đúng mục đích.

Ngày 24/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V đã chỉ đạo tổ chức cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình bà tại địa bàn xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên để giao cho Công ty cổ phần T3 làm dự án xây dựng. Hành vi chỉ đạo tổ chức cưỡng chế thu hồi đất nêu trên của Chủ tịch UBND huyện V đã vi phạm các quy định của pháp luật đất đai, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bởi các lý do sau đây:

- Dự án Ecopark Văn G không chứng minh được lý do thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 39 Luật Đất đai năm 2003.

- Tại thời điểm cưỡng chế thu hồi đất, Chủ tịch UBND huyện V chưa có đủ căn cứ pháp lý về văn bản phê duyệt, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp có thẩm quyền, không có Thông báo thu hồi đất, không ra quyết định thu hồi đất hoặc quyết định cưỡng chế thu hồi đất; không xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. UBND xã không niêm yết quyết định cưỡng chế thu hồi đất tại trụ sở UBND xã theo quy định.

- Chủ tịch UBND huyện V chỉ đạo tổ chức cưỡng chế thu hồi đất mà không bàn bạc với các hộ có đất bị thu hồi và Hội đồng nhân dân các cấp là trái pháp luật.

Bà Trần Thị Thanh K yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi

đất nêu trên của Chủ tịch UBND huyện V là trái pháp luật; yêu cầu Công ty cổ phần T3 ngừng ngay hoạt động thi công và hoàn trả tài sản đất đai đã được bàn giao do hành vi cưỡng chế ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện V (do người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

- Về chủ trương đầu tư.

Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu đô thị T được triển khai theo Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu hồi 5.540.712m² đất tại các xã X, P, C, L, T, thị trấn V thuộc huyện V; các xã H, Y, Y thuộc huyện Y và các xã Đ, T, D thuộc huyện K, tỉnh Hưng Yên; giao toàn bộ diện tích đất thu hồi cho Chủ đầu tư để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường từ cầu T đi thị xã H, đoạn từ huyện V đến xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

UBND tỉnh H đã ban hành Quyết định số 2549/QĐ-UB và Quyết định số 2550/QĐ-UB ngày 21/10/2004 để thực hiện việc thu hồi đất theo Quyết định nêu trên của Chính phủ; ban hành Quyết định số 2006/QĐ-UB ngày 08/6/2005 về việc phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, giao đất cho Công ty cổ phần Đ, để xây dựng hạ tầng Khu đô thị T, địa phận xã X, huyện V.

- Về công tác giải phóng mặt bằng.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện V đã tiến hành kiểm kê, lập phương án trình UBND huyện V ban hành quyết định phê duyệt; tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường cho những hộ gia đình bị thu hồi đất. Tổng số hộ gia đình đã nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng tính đến trước thời điểm thực hiện việc cưỡng chế là 1560 hộ/1720 hộ; còn lại 160 hộ không nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và không bàn giao mặt bằng, diện tích phải cưỡng chế khoảng 5,86 ha.

(Tính đến thời điểm hiện nay, số hộ gia đình đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là 1623 hộ/1720 hộ; số hộ gia đình chưa nhận tiền là 97 hộ).

Do một số hộ dân bị thu hồi đất không thực hiện quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền, cố tình không nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, không di chuyển tài sản, cây cối hoa màu để bàn giao đất và không ký biên bản bàn giao đất nên UBND xã X đã lập biên bản vi phạm hành chính và đề nghị UBND huyện V xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 13/12/2011, Chủ tịch UBND huyện V đã ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hộ gia đình có vi phạm theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Luật Đất đai năm 2003, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 17 Nghị định số 105/2009/NĐ - CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 05/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V đã ban hành Quyết định về

việc áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp cưỡng chế khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với các hộ dân không chấp hành quyết định xử phạt, trong đó có hộ gia đình bà Trần Thị Thanh K. Biện pháp cưỡng chế là: Giải tỏa mặt bằng trên thực địa để bàn giao đất theo các Quyết định và Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời gian thực hiện cưỡng chế: Từ ngày 20/4/2012.

Ngày 24/4/2012, UBND huyện V tổ chức thực hiện cưỡng chế ngoài thực địa; kết quả cưỡng chế được lập thành biên bản và gửi cho hộ gia đình bà Trần Thị Thanh K nhưng hộ gia đình không hợp tác.

Căn cứ các quy định của pháp luật về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai; sau khi rà soát, đối chiếu với các văn bản thuộc hồ sơ cưỡng chế và trình tự các bước thực hiện cưỡng chế nêu trên, Chủ tịch UBND huyện tổ chức cưỡng chế thu hồi đất ngày 24/4/2012 đối với người khởi kiện là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên thống nhất với trình bày và đề nghị của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện V và không bổ sung nội dung gì khác.

- UBND xã X, huyện V xác định việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện V đối với hộ gia đình người khởi kiện đã bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Công ty T3 trình bày: Toàn bộ dự án của Công ty được nhà nước giao đất là đúng quy định của pháp luật, do đó đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Các thành viên hộ gia đình bà Trần Thị Thanh K có đất bị thu hồi đều thống nhất với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm 21/2024/HC-ST ngày 02 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh K về việc yêu cầu Tòa án: Tuyên hành vi tổ chức thi hành quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V đối với hộ gia đình bà là trái pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/7/2024, người khởi kiện là bà Trần Thị Thanh K có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là bà Trần Thị Thanh K giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và không xuất trình tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Kháng cáo của người khởi kiện là bà Trần Thị Thanh K trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của bà Trần Thị Thanh K là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của bà K và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2024/HC-ST ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 24/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V tổ chức cưỡng chế, thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hộ gia đình vi phạm trên thực địa. Ngày 22/3/2013, bà Trần Thị Thanh K có đơn khởi kiện nộp tại Tòa án nhân dân huyện Văn Giang là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện. Năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Văn Giang chuyển đơn và tài liệu của vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên giải quyết là đúng về thẩm quyền, tuy nhiên có vi phạm về thời hạn giải quyết đơn. Sau khi nhận được đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã yêu cầu đương sự bổ sung tài liệu, chứng cứ, nhưng do vụ án có liên quan đến trên 100 hộ dân cùng khởi kiện và có nhiều đương sự ở nhiều nơi, đòi hỏi người khởi kiện cần nhiều thời gian thu thập tài liệu để giao nộp cho Tòa án. Ngoài ra, quá trình giải quyết đơn còn gặp trở ngại khách quan đó là đại dịch Covid-19, khiến cho mọi hoạt động giữa Tòa án và đương sự đều bị gián đoạn. Vì vậy, các trở ngại nêu trên không tính vào thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính và vẫn đảm bảo được quyền khởi kiện của đương sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Hành vi hành chính bị khởi kiện là hành vi của Chủ tịch UBND huyện V, do đó thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án cấp tỉnh. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Đối tượng khởi kiện: Bà Trần Thị Thanh K khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình bà để giao cho Công ty Cổ phần T3 thực hiện dự án Khu đô thị T là trái pháp luật; yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên buộc Công ty Cổ phần T3 phải ngừng ngay việc thi công và trả lại quyền sử dụng đất cho gia đình bà. Tòa án cấp sơ thẩm xác định chỉ có hành vi tổ chức cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND

huyện V là đối tượng khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, còn yêu cầu buộc Công ty Cổ phần T3 phải ngừng ngay việc thi công và trả lại quyền sử dụng đất cho người khởi kiện không thuộc thẩm quyền theo loại việc của Tòa án là đúng theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.4] Về thủ tục kháng cáo: Ngày 09/7/2024, bà Trần Thị Thanh K có đơn kháng cáo và đơn đề nghị miễn án phí hợp lệ, được gửi trong thời hạn theo quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc hội nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.5] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên và Công ty Cổ phần T3 có đơn xin xét xử vắng mặt; UBND xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thành viên trong gia đình của người khởi kiện vắng mặt; xét việc vắng mặt của người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của người khởi kiện nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu đô thị T (Dự án E) được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Công văn số 1495/CP-NN ngày 31/10/2003 và được UBND tỉnh H phê duyệt tại Quyết định số 1430/QĐ-UB ngày 25/6/2004. Dự án được giao cho Công ty cổ phần Đ (nay là Công ty Cổ phần T3) làm chủ đầu tư và được thực hiện theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu hồi đất, giao đất để thực hiện dự án nêu trên và xây dựng đường bộ từ cầu T đi thị xã H, đoạn từ huyện V đi xã D, huyện K (BL285). UBND tỉnh H đã cụ thể hóa Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ bằng Quyết định số 2549/QĐ-UB ngày 21/10/2004 và Quyết định số 2550/QĐ-UB ngày 21/10/2004 về việc thu hồi đất, giao đất cho Công ty cổ phần Đ để thực hiện dự án và xây dựng đường (BL283).

[2.2] Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện V đã tiến hành kiểm kê, lập phương án trình UBND huyện V ban hành quyết định phê duyệt, tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường để người dân biết và kiểm tra; tổ chức chi trả tiền bồi thường và tuyên truyền, vận động các hộ dân có đất bị thu hồi ủng hộ dự án; phổ biến chính sách bồi thường cùng các khoản hỗ trợ của chủ đầu tư cho người có đất bị thu hồi.

[2.3] Do người bị thu hồi đất không thực hiện quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền, một số hộ gia đình không nhận tiền bồi thường, không

di chuyển tài sản, cây cối hoa màu để bàn giao đất, trong đó, có gia đình bà Trần Thị Thanh K nên ngày 12/12/2011, UBND xã X đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 191/BB-VPHC đối với bà Trần Thị Thanh K do có hành vi không trả lại quyền sử dụng đất (cụ thể 86,4m² đất xứ đồng Cầu Ván, 252m² đất xứ đồng Sông Vải, 558m² đất xứ đồng Vó thuộc địa phận xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên) đúng thời hạn theo quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (BL241). Biên bản này được giao cho gia đình bà K nhưng gia đình bà K không hợp tác nhận và không ký biên bản (BL240). Ngày 13/12/2011, Chủ tịch UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 5567/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Thanh K do không thực hiện việc giải tỏa tài sản trên đất, bàn giao đất đúng thời hạn theo quyết định thu hồi đất và thông báo của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (BL239). Quyết định này đã được tổng đạt cho bà K, nhưng bà K không ký nhận (BL238).

[2.4] Ngày 06/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 675/QĐ-CCK về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà K do không thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính (BL237), Tổ công tác thôn H đã đến gia đình để giao quyết định nêu trên, nhưng gia đình không hợp tác, không ký nhận, nên quyết định này được niêm yết công khai, đồng thời thông báo trên các phương tiện truyền thanh của địa phương (BL236). Ngày 24/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V tổ chức thi hành biện pháp cưỡng chế giải tỏa mặt bằng trên thực địa để bàn giao đất theo các Quyết định và Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là đúng về thẩm quyền và đảm bảo về trình tự, thủ tục, thời hạn bàn giao Quyết định cưỡng chế và còn trong thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế hành chính theo quy định tại Điều 39 Luật Đất đai năm 2003; Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 9 Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ. Kết quả cưỡng chế được lập thành Biên bản số 138/BB-CC ngày 24/4/2012 và gửi cho hộ gia đình bà K, nhưng hộ gia đình không hợp tác. Bà Trần Thị Thanh K cho rằng gia đình bà không nhận được thông báo hoặc không biết về nội dung Nhà nước thu hồi đất nhưng thừa nhận đã được nghe trên phương tiện thông tin của UBND xã.

[2.5] Hành vi hành chính thi hành quyết định cưỡng chế hành chính để thu hồi đất vào mục đích lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng của Chủ tịch UBND huyện V là đúng theo quy định tại Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ, hành vi này được thực hiện sau khi đã tổ chức hội nghị họp dân, đối thoại để tuyên truyền, vận động, giải thích, thuyết phục các hộ dân ủng hộ dự án; phổ biến chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cùng các khoản hỗ trợ của Chủ đầu tư nhằm đảm bảo lợi ích cho người có đất bị thu hồi, nhưng cá nhân, hộ gia đình bà Trần Thị Thanh K không chấp hành, không hợp tác.

[2.6] Như vậy, việc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND huyện V cũng như hành vi tổ chức cưỡng chế

thu hồi đất là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng trình tự, thủ tục và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh K là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Thanh K không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc bác kháng cáo của bà K và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí: Do bà Trần Thị Thanh K là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của bà Trần Thị Thanh K; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2024/HC-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Trần Thị Thanh K.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P. HCTP. TACCHN.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thơm